

Số: 4052/QĐ-ĐHYHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trúng tuyển trình độ Bác sĩ nội trú

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 06/NQ-ĐHYHN ngày 05/2/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-ĐHYHN ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Biên bản số 2256/BB-ĐHYHN ngày 13/9/2023 cuộc họp Hội đồng tuyển sinh và đại diện lãnh đạo các đơn vị xét trúng tuyển Sau đại học và triển khai kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2023 và Trường phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ Bác sĩ nội trú khóa 48 (2023-2026) của trường Đại học Y Hà Nội cho 436 (Bốn trăm ba mươi sáu) thí sinh có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các thí sinh có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ, điều kiện và được hưởng các quyền lợi theo quy chế tuyển sinh và đào tạo Bác sĩ nội trú hiện hành.

Điều 3. Trường phòng SDH, HC, TCKT, CNTT&TT, Thư viện, CTHVSV&KTX, Trưởng các Viện/Khoa/Bộ môn và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để thực hiện);
- Lưu VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tú

Phụ lục

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ NỘI TRÚ KHÓA 48 (2023-2026)
NĂM 2023 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

(Kèm theo quyết định số: 4052 /QĐ-ĐHYHN ngày 13 tháng 9 năm 2023)

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
1	05230325	NGUYỄN QUỲNH ANH	04/08/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
2	05230312	VŨ TIẾN ANH	09/03/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
3	05230736	TRẦN THỊ NHẬT ANH	23/05/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
4	05230228	HỒ ĐỨC CÔNG	10/08/1986	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
5	05230565	TRẦN THỊ CÚC	20/10/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
6	05230610	NGUYỄN THU MINH CHÂU	17/03/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
7	05230641	LÀNH HUYỀN DIỆU	08/10/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
8	05230192	LÊ PHƯỚC ĐẠT	23/10/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
9	05230298	TRẦN QUANG HẢI	16/11/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
10	05230169	ĐỖ HỒNG HẠNH	20/06/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
11	05230368	LÊ THỊ HẰNG	15/02/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
12	05230758	NGUYỄN HÙNG MINH HIẾU	16/10/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
13	05230621	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	31/07/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
14	05230491	HOÀNG THỊ NGỌC LAN	01/01/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
15	05230330	CÙ THỊ DIỆU LINH	20/11/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
16	05230109	ĐẶNG VIỆT LINH	08/11/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
17	05230267	ĐOÀN THỊ MINH PHƯƠNG	17/06/1998	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
18	05230660	BÙI THANH QUANG	07/06/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
19	05230187	NGUYỄN PHÚ QUỐC	07/08/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
20	05230510	TRẦN VĂN TUẤN	12/01/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
21	05230219	NGUYỄN KIM TUYẾN	08/04/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
22	05230382	LÊ THỊ THU	05/12/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
23	05230533	NGÔ THỊ THU	15/02/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
24	05230451	ĐOÀN THANH THỦY	06/08/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
25	05230840	VĂN HOÀI THƯƠNG	27/02/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
26	05230649	LÊ THỊ THƯƠNG	06/04/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
27	05230008	BÙI HUYỀN TRANG	21/02/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
28	05230640	DƯƠNG THỊ TRANG	11/12/1998	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
29	05230182	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	25/11/1999	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
30	05230431	LÊ THỊ THẢO VI	20/11/1998	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 05 01	
31	05230072	LƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	15/04/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
32	05230841	VŨ KIM DUNG	17/11/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
33	05230624	CHU ĐẠI DƯƠNG	01/12/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
34	05230741	NGUYỄN THỊ THANH HOA	30/04/1997	Da liễu	NT 62 72 35 01	
35	05230116	HÀ THỊ THANH NGOAN	02/11/1998	Da liễu	NT 62 72 35 01	
36	05230488	ĐOÀN HUỆ NHI	28/07/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
37	05230618	TRẦN HỮU SƠN	08/01/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
38	05230413	THÂN THỊ TRANG	20/03/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
39	05230039	LÊ VĂN TRUNG	04/09/1999	Da liễu	NT 62 72 35 01	
40	05230001	PHẠM THỊ HOÀNG YẾN	24/06/1998	Da liễu	NT 62 72 35 01	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
41	05230350	VŨ QUỐC KHÁNH	30/10/1999	Dị ứng	NT 62 72 20 35	
42	05230781	TRẦN THỊ MINH	14/03/1999	Dị ứng	NT 62 72 20 35	
43	05230274	LÝ VĂN PHƯƠNG	30/03/1999	Dị ứng	NT 62 72 20 35	
44	05230175	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG THẢO	28/06/1999	Dị ứng	NT 62 72 20 35	
45	05230524	NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	27/09/1999	Dị ứng	NT 62 72 20 35	
46	05230760	PHÙNG THỊ NGỌC ANH	27/09/1998	Dinh dưỡng	NT 62 72 88 01	
47	05230083	TỔNG THU HÀ	17/03/1999	Dinh dưỡng	NT 62 72 88 01	
48	05230784	BÙI THỊ HIỀN	25/01/1999	Dinh dưỡng	NT 62 72 88 01	
49	05230778	THÂN QUANG MINH HIẾU	26/07/1999	Dược lý và độc chất	NT 62 72 50 01	
50	05230185	PHẠM CHI PHƯƠNG	14/05/1998	Dược lý và độc chất	NT 62 72 50 01	
51	05230217	BÙI ĐỨC DŨNG	06/06/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
52	05230281	VŨ HUY HOÀNG	24/05/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
53	05230285	NGUYỄN MINH HÙNG	10/10/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
54	05230662	TRIỆU HOÀNG HỮU	25/01/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
55	05230514	LÊ ĐẠI MINH	07/04/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
56	05230280	LÊ HỒNG NGÀ	15/03/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
57	05230343	LƯU THỊ MINH NGỌC	09/04/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
58	05230796	LÊ THỊ PHƯƠNG	10/03/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
59	05230229	NGUYỄN MINH TUỆ	25/08/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
60	05230115	BÙI THỊ TÔ UYÊN	08/09/1999	Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01	
61	05230157	TRỊNH THỊ BIÊN	30/10/1999	Giải phẫu bệnh	NT 62 72 01 05	
62	05230481	NGUYỄN VĂN DỰ	28/10/1999	Giải phẫu bệnh	NT 62 72 01 05	
63	05230642	NGUYỄN TIẾN HUY	31/10/1999	Giải phẫu bệnh	NT 62 72 01 05	
64	05230754	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	17/02/1999	Giải phẫu bệnh	NT 62 72 01 05	
65	05230561	ÂN THỊ THUY NGÂN	10/11/1999	Giải phẫu bệnh	NT 62 72 01 05	
66	05230186	VŨ THỊ MINH THU	23/05/1998	Giải phẫu bệnh	NT 62 72 01 05	
67	05230494	NGUYỄN HỮU ĐỊNH	15/05/1998	Giải phẫu người	NT 62 72 01 10	
68	05230442	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	24/03/1999	Giải phẫu người	NT 62 72 01 10	
69	05230040	DƯƠNG THUY LĨNH	28/08/1998	Giải phẫu người	NT 62 72 01 10	
70	05230408	PHẠM TIÊU NGÀ	05/11/1999	Giải phẫu người	NT 62 72 01 10	
71	05230262	NGUYỄN HÀ QUỐC THÀNH	19/12/1999	Giải phẫu người	NT 62 72 01 10	
72	05230147	MAI THỊ VÂN ANH	29/11/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
73	05230335	LÊ XUÂN CÔNG	14/07/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
74	05230443	HỒ THUY DUNG	06/06/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
75	05230581	NGUYỄN THUY DƯƠNG	26/08/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
76	05230266	ĐỖ THÚY HẠNH	10/01/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
77	05230725	LÊ HÀ PHƯƠNG	18/12/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
78	05230048	NGUYỄN THỊ TRINH	23/09/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
79	05230723	TRẦN ĐỨC VĨNH	14/02/1999	Hóa sinh Y học	NT 62 72 04 01	
80	05230067	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	15/09/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
81	05230377	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	21/02/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
82	05230240	NGUYỄN CÔNG ĐỊNH	02/01/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	SYT tỉnh Yên Bái
83	05230446	NGUYỄN MINH ĐỨC	27/07/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
84	05230603	ĐOÀN THỊ HẢI	06/10/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
85	05230311	NGUYỄN VŨ HÀO	14/05/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
86	05230678	NGUYỄN THỊ NGỌC KHUYẾN	12/08/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
87	05230193	PHẠM DUY LINH	19/10/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
88	05230020	HOÀNG THỊ NGỌC	09/05/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
89	05230403	CHU QUỐC TUẤN	01/02/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
90	05230507	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	11/07/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
91	05230697	NGUYỄN MẠNH THẮNG	24/07/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
92	05230432	VŨ THỊ MINH THU	06/07/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
93	05230094	ĐINH NGỌC TRÂM	02/05/1998	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
94	05230485	ĐỖ HOÀI YẾN	12/10/1999	Hồi sức cấp cứu và chống độc	NT 62 72 31 01	
95	05230519	QUẦN MINH ANH	12/09/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
96	05230552	NGÔ TRUNG DŨNG	11/09/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
97	05230277	NGUYỄN MINH HIẾU	07/08/1998	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
98	05230497	CÀM MAI KHANH	27/06/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
99	05230691	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	01/08/1998	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
100	05230620	NGUYỄN THỊ LINH	02/02/1998	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	PH Thanh Hóa
101	05230821	HÀ LÊ SAO MAI	06/10/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
102	05230589	CAO THỊ THANH NGÂN	24/10/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
103	05230594	KHUẤT THÊ TÀI	02/09/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
104	05230493	LÊ NHƯ Ý	31/05/1999	Huyết học - Truyền máu	NT 62 72 25 01	
105	05230327	VŨ THỊ VÂN ANH	18/03/1999	Ký sinh trùng	NT 62 72 65 01	PH Thanh Hóa
106	05230816	VŨ THỊ TRÀ MY	30/01/1996	Ký sinh trùng	NT 62 72 65 01	
107	05230527	NGUYỄN TRỌNG TRUNG	18/12/1999	Ký sinh trùng	NT 62 72 65 01	
108	05230269	LÊ THỊ HẠNH	17/04/1999	Lão khoa	NT 62 72 20 30	
109	05230303	HOÀNG LÊ PHƯƠNG LINH	07/05/1999	Lão khoa	NT 62 72 20 30	
110	05230334	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	09/11/1998	Lão khoa	NT 62 72 20 30	
111	05230779	ĐÀO NUỜNG THUỶ TIỀN	08/05/1999	Lão khoa	NT 62 72 20 30	
112	05230540	TRẦN NGUYỄN LINH CHI	28/05/1999	Lao và bệnh phổi	NT 62 72 24 01	
113	05230208	NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG	07/09/1999	Lao và bệnh phổi	NT 62 72 24 01	
114	05230064	LÊ VĂN PHONG	31/10/1999	Lao và bệnh phổi	NT 62 72 24 01	
115	05230261	VŨ QUYẾT THẮNG	27/06/1999	Lao và bệnh phổi	NT 62 72 24 01	
116	05230568	PHẠM HOÀNG TRANG	10/08/1999	Lao và bệnh phổi	NT 62 72 24 01	
117	05230279	VŨ VĂN VINH	16/06/1998	Lao và bệnh phổi	NT 62 72 24 01	
118	05230771	LÊ THỊ HÒA	02/09/1999	Mô phôi thai học	NT 62 72 01 01	
119	05230087	ĐÀO THỊ NINH	17/03/1999	Mô phôi thai học	NT 62 72 01 01	
120	05230021	NGUYỄN THANH THỦY	16/12/1999	Mô phôi thai học	NT 62 72 01 01	
121	05230085	ĐẶNG NGỌC ÁNH	20/09/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
122	05230321	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	22/08/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
123	05230506	NGUYỄN VIỆT ANH	22/06/1998	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
124	05230127	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	22/10/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
125	05230034	NGUYỄN NGỌC BÍCH	11/09/1998	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
126	05230097	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	26/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
127	05230656	TRẦN THỊ MAI CHÂM	30/11/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
128	05230044	LÊ DUY	02/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
129	05230322	ĐÀO HỒNG DUYÊN	11/05/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
130	05230134	BUI VĂN ĐẠI	09/06/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
131	05230718	TRẦN THỊ HÀ	28/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
132	05230549	ĐẬU NGỌC HẢI	15/12/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
133	05230326	TÔNG THỊ HIỀN	19/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
134	05230167	NGUYỄN TRUNG HIẾU	19/04/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
135	05230084	BÙI THỊ LINH HUỆ	08/11/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
136	05230397	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	22/09/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
137	05230435	LÊ THỊ HƯƠNG	20/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
138	05230178	LÊ DOÃN KHOA	15/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
139	05230605	NGUYỄN THỊ LỆ	19/06/1997	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
140	05230301	HOÀNG DIỆU LINH	22/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
141	05230495	NGUYỄN KHÁNH LINH	28/12/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
142	05230234	HÀ TUẤN LONG	16/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
143	05230688	NGÔ THỊ HƯƠNG LY	12/06/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
144	05230629	NGUYỄN THỊ LY	14/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
145	05230059	QUẢN PHƯƠNG MAI	06/06/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
146	05230449	TRẦN HỮU MINH	26/06/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
147	05230534	VŨ TUẤN MINH	05/06/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
148	05230015	VŨ VĂN NGÀ	08/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
149	05230111	HỒ THỊ KIM NGÂN	27/12/1997	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
150	05230470	CHU ĐỨC NGỌC	03/12/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
151	05230648	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	25/12/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
152	05230773	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/04/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
153	05230612	NGUYỄN KIM OANH	23/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
154	05230645	TRẦN THỊ TÚ OANH	20/10/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
155	05230547	ĐẶNG NGỌC VŨ PHAN	02/06/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
156	05230459	TÔNG THỊ PHƯƠNG	18/09/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
157	05230170	NÔNG NGỌC QUÂN	07/11/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
158	05230646	PHẠM THỊ HÀ QUYÊN	07/02/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
159	05230452	PHẠM THỊ MAI QUYÊN	02/12/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
160	05230166	NGUYỄN DANH QUYÊN	25/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
161	05230362	ĐÀO THỊ NGỌC QUỲNH	11/09/1998	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
162	05230777	BÙI THỊ PHƯƠNG QUỲNH	23/04/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
163	05230433	HOÀNG THANH TÂM	27/03/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
164	05230653	LÊ MINH THỌ	12/11/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
165	05230702	HOÀNG DIỆU THÚY	10/03/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	SYT tỉnh Yên Bái
166	05230287	TRẦN THỊ THÚY	15/01/1998	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
167	05230824	LÊ HÀ TRANG	18/12/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
168	05230103	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	11/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
169	05230188	LÊ THỊ HIỀN VI	18/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
170	05230474	BÙI VĂN XUÂN	10/07/1999	Nội khoa	NT 62 72 20 50	
171	05230263	CHU THỊ THU AN	22/10/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
172	05230095	NGUYỄN VŨ ANH	07/03/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	SYT tỉnh Yên Bái
173	05230471	NGUYỄN TRẦN VIỆT BẮC	02/04/1998	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
174	05230423	NGUYỄN BÁ THÀNH ĐẠT	22/11/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
175	05230265	ĐỖ MINH ĐỨC	17/05/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
176	05230501	VÕ THANH GIANG	21/04/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
177	05230394	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	26/09/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
178	05230687	NGUYỄN ĐỨC TRUNG HIẾU	09/04/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
179	05230436	PHAN MINH HÙNG	26/10/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
180	05230058	NGUYỄN HỮU HUY	17/12/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
181	05230464	TRẦN THỂ HÙNG	03/06/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
182	05230081	NGUYỄN THỊ THUY LINH	18/10/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
183	05230290	NGUYỄN ĐỨC LONG	14/07/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
184	05230043	LÊ HÀ MY	09/02/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
185	05230168	BÙI THỊ HÀ PHƯƠNG	28/11/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
186	05230348	LÊ ĐÌNH ĐẠI THÀNH	16/02/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
187	05230375	NGUYỄN TUẤN THÀNH	16/09/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
188	05230747	NGUYỄN VĂN THUẬN	14/01/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
189	05230400	PHAN SỸ TRUNG	07/01/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
190	05230191	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	09/08/1999	Nội - Tim mạch	NT 62 72 20 25	
191	05230526	LÊ ĐỨC ANH	13/12/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
192	05230607	PHẠM HỒNG TIẾN ANH	05/10/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
193	05230587	ĐÌNH TUẤN ANH	07/03/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
194	05230665	TRIỆU THỂ ANH	01/03/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	SYT tỉnh Yên Bái
195	05230338	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	14/12/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	PH Thanh Hóa
196	05230710	LÊ HÀ QUỐC DŨNG	22/06/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
197	05230428	NGUYỄN CÔNG DUY	13/12/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
198	05230674	MAI VĂN THÀNH ĐẠT	24/11/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
199	05230455	TRẦN HẢI ĐĂNG	16/07/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
200	05230355	PHẠM TRUNG ĐỨC	05/05/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
201	05230224	NGUYỄN QUANG HÀ	18/03/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
202	05230387	NGUYỄN ĐẮC HIỀN	13/01/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
203	05230461	NGUYỄN DUY HIẾU	18/04/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
204	05230530	CAO TRUNG HIẾU	09/06/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
205	05230409	LÊ HOÀNG	21/01/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
206	05230812	ĐÀO XUÂN HOÀNG	02/03/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
207	05230107	ĐÌNH XUÂN HÙNG	21/09/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
208	05230696	NGUYỄN QUANG HUY	10/12/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
209	05230498	TRẦN QUỐC HÙNG	08/10/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
210	05230833	HÀ VIỆT HÙNG	14/11/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
211	05230477	BÙI ĐỨC KHANG	27/01/1997	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
212	05230065	PHẠM TIẾN KHOA	22/09/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
213	05230751	LÊ TRẦN DUY LINH	25/02/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
214	05230232	TRẦN VĂN LINH	27/02/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
215	05230230	TRẦN HOÀNG LONG	14/08/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
216	05230332	HOÀNG THIÊN LONG	03/04/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
217	05230207	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	12/12/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
218	05230007	TRẦN HÀ NAM	09/03/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
219	05230626	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	17/09/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	SYT tỉnh Yên Bái
220	05230017	TRẦN NGỌC NHẬT	13/05/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
221	05230414	TRƯƠNG MINH QUANG	02/11/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
222	05230726	NGÔ ANH QUÂN	02/01/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
223	05230576	NGUYỄN CAO QUYẾT	19/10/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
224	05230379	NGUYỄN HOÀNG SƠN	08/11/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
225	05230026	PHẠM VĂN TÂM	08/04/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
226	05230349	HOÀNG HẢI TÂN	25/10/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
227	05230617	LÊ HÙNG TIẾN	08/09/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
228	05230622	ĐÀO VIỆT TIẾN	05/02/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
229	05230518	TRẦN ANH TÚ	09/02/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
230	05230055	HÀ MINH TÙNG	24/09/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
231	05230426	BẠCH VĂN THÀNH	13/02/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
232	05230183	NGUYỄN HỮU THẮNG	30/10/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
233	05230223	LƯƠNG VĂN THỊNH	20/08/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
234	05230284	VŨ CHÍ TRUNG	11/02/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
235	05230564	NGUYỄN QUỐC TRUNG	28/06/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
236	05230227	LÊ DOãn TRƯỜNG	21/10/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
237	05230703	PHẠM VĂN TRƯỜNG	19/10/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
238	05230126	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	17/08/1998	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
239	05230829	VŨ QUỐC VIỆT	24/11/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
240	05230745	MAI QUÝ VIỆT	13/05/1999	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	
241	05230783	TẠ ĐOÀN THU AN	03/10/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
242	05230374	LÊ THUY DUNG	23/10/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
243	05230209	LÊ TRUNG ĐỨC	07/01/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
244	05230794	NGUYỄN MẠNH HIẾU	10/06/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
245	05230457	NGUYỄN THỊ HỒNG	28/11/1998	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
246	05230019	LÊ NGỌC HUYỀN	13/02/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
247	05230102	LÊ THỊ KHÁNH LINH	04/09/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
248	05230756	LÃ VĂN LONG	28/03/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
249	05230203	NGUYỄN TÚ NGA	03/03/1998	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
250	05230004	HOÀNG THỊ HẢI NGỌC	20/07/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
251	05230643	ĐỖ QUỲNH NHƯ	30/10/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
252	05230071	LƯU VĂN TÙNG	02/09/1998	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
253	05230664	PHAN THỊ THẢO	07/03/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
254	05230128	TRẦN NGUYỄN HÀ TRANG	29/11/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
255	05230372	HỒ QUỲNH TRANG	20/06/1999	Nhân khoa	NT 62 72 56 01	
256	05230476	PHAN THỊ GIAO AN	15/05/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
257	05230782	LÊ MẠNH CƯỜNG	26/03/1998	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
258	05230770	HOÀNG VĂN ĐỨC	15/06/1998	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
259	05230422	ĐÀO HỒNG HẢO	11/05/1998	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
260	05230808	ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG	29/01/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
261	05230480	ĐÀM ĐỨC LƯƠNG	14/09/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
262	05230556	TRẦN THỊ THANH MAI	24/03/1998	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
263	05230489	NGUYỄN THỊ MẾN	21/03/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
264	05230297	NGUYỄN THỊ NGA	01/07/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
265	05230101	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	12/01/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
266	05230320	ĐOÀN THỊ NHÀI	13/10/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
267	05230313	DƯƠNG KHẮC QUANG	16/06/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	PH Thanh Hóa
268	05230383	ĐÀO THU THẢO	07/08/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
269	05230801	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	16/07/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
270	05230792	LÊ THU TRANG	12/08/1999	Nhi khoa	NT 62 72 16 55	
271	05230466	PHẠM TIẾN ĐẠT	06/05/1999	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 10 01	
272	05230663	HOÀNG THỊ LIÊN	03/11/1999	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 10 01	
273	05230070	LÊ TUẤN LINH	02/02/1999	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 10 01	
274	05230283	NGUYỄN HỒNG PHONG	16/08/1999	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 10 01	
275	05230516	ĐOÀN THỊ BÁCH THẢO	19/09/1999	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 10 01	
276	05230361	NGUYỄN VY	23/07/1999	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 10 01	
277	05230331	NGUYỄN VĂN ANH	19/06/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
278	05230357	KHUƠNG QUANG ĐẠT	15/01/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
279	05230131	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	23/04/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
280	05230657	ĐINH THỊ HẠNH	10/12/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
281	05230295	TRẦN THỊ HỒNG	26/10/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
282	05230744	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	16/12/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
283	05230200	TRẦN THỊ MAI	05/09/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
284	05230511	NGUYỄN THỊ THANH SOAN	27/04/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
285	05230698	NGUYỄN THỊ NHỊ THANH	30/01/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
286	05230060	KHUƠNG THUỶ TRANG	10/12/1999	Phục hồi chức năng	NT 62 72 43 01	
287	05230035	TRẦN XUÂN AN	22/11/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
288	05230799	TRẦN THANH BÌNH	16/12/1998	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
289	05230546	TẠ QUANG HÀO	14/05/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
290	05230503	TẠ THỊ THU HẰNG	29/10/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
291	05230282	TRẦN TUẤN HIỆP	01/03/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
292	05230152	NGUYỄN THÁI MINH HOÀNG	30/05/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
293	05230122	BUI THỊ THUỶ HỒNG	03/10/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
294	05230245	DOÃN HOÀNG NAM	03/11/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
295	05230558	NGUYỄN THỊ THỦY	11/12/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
296	05230250	BUI ĐỨC TRUNG	07/12/1999	Răng - Hàm - Mặt	NT 62 72 28 01	
297	05230292	NGUYỄN NGỌC ÁNH	24/10/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
298	05230532	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	25/03/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
299	05230276	NGUYỄN THỊ THANH DIỄM	14/02/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
300	05230651	LẠI HOÀNG ĐẠT	04/01/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
301	05230733	NGUYỄN VĂN HOÀNG	06/02/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
302	05230333	NGUYỄN TĂNG LẠC LONG	23/08/1998	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
303	05230398	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	21/06/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
304	05230142	NGUYỄN VĂN PHÚ	22/11/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
305	05230772	LÊ ĐÌNH QUANG	13/09/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
306	05230395	HUỲNH THANH QUẢNG	02/09/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
307	05230509	ĐẶNG VĂN TỐT	12/10/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
308	05230319	LÊ VĂN TÙNG	15/09/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
309	05230205	NGUYỄN XUÂN THANH	03/01/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
310	05230836	MAI TIỀN THÀNH	01/06/1999	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	PH Thanh Hóa

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
311	05230328	ĐỖ THỊ KHÁNH VÂN	28/12/1998	Sản phụ khoa	NT 62 72 13 01	
312	05230076	NGUYỄN THỊ GIANG	05/11/1999	Sinh lý bệnh	NT 62 72 04 10	
313	05230434	HOÀNG THÁI DƯƠNG	20/10/1999	Sinh lý học	NT 62 72 04 05	
314	05230216	PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG	09/08/1999	Sinh lý học	NT 62 72 04 05	
315	05230231	NGUYỄN HỮU BÌNH	08/08/1995	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
316	05230042	NGHIÊM THỌ DƯƠNG	03/03/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
317	05230680	VŨ HOÀNG SƠN KHÁNH	19/10/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
318	05230447	VŨ CẨM LINH	13/05/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
319	05230148	TRẦN THỊ LUYẾN	20/08/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
320	05230793	TRỊNH THỊ HIỀN LƯƠNG	02/02/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
321	05230845	NGUYỄN THỊ OANH	07/05/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
322	05230053	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11/01/1996	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
323	05230018	PHẠM THANH THẢO	15/09/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
324	05230047	NGUYỄN MẠNH THẮNG	28/01/1999	Tai - Mũi- Họng	NT 62 72 53 01	
325	05230135	NGUYỄN VIỆT ANH	22/08/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
326	05230803	HÀ ANH DŨNG	14/08/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
327	05230080	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	26/02/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
328	05230130	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	06/11/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
329	05230652	VÕ HỒNG ĐỨC	01/12/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
330	05230405	CHU VŨ NGUYỄN HẠNH	22/02/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
331	05230444	NGUYỄN THỊ THANH HẬU	24/09/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
332	05230318	DƯƠNG DANH KHẢI	31/10/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
333	05230304	HỒ PHI KHÁNH	02/09/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
334	05230181	LƯƠNG THỊ LINH	07/12/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
335	05230492	NGUYỄN THÀNH LỘC	06/04/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
336	05230211	HOÀNG THỊ HỒNG MINH	11/06/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
337	05230844	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	25/01/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
338	05230823	LÊ THỊ NHUNG	22/12/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
339	05230684	NGUYỄN HẢI QUỲNH	01/02/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
340	05230213	PHẠM PHƯƠNG QUỲNH	30/09/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
341	05230775	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	01/01/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
342	05230174	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	01/08/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
343	05230239	PHẠM KHÁNH VI	24/10/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
344	05230373	VŨ VĂN VIỆT	22/12/1999	Tâm thần	NT 62 72 22 45	
345	05230689	TRỊNH THỊ HỒNG ÁNH	17/02/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
346	05230450	PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	25/07/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
347	05230520	LÊ THỊ MINH HƯƠNG	30/07/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
348	05230288	KIỀU KHÁNH LINH	04/10/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
349	05230818	NGUYỄN THỊ LOAN	22/01/1998	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
350	05230762	PHAN HỒNG NGỌC	27/10/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
351	05230504	HOÀNG THỊ NHƯ NGỌC	28/12/1998	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
352	05230310	VŨ ANH PHƯƠNG	01/01/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
353	05230573	BUI THỊ PHƯƠNG	24/01/1998	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
354	05230535	ĐẶNG XUÂN QUÝ	12/10/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
355	05230314	LÊ BÁ TOÀN	20/12/1998	Thần kinh	NT 62 72 21 40	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
356	05230254	NGUYỄN ĐỨC TUÂN	19/07/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
357	05230842	BÙI CÔNG TUYỀN	25/10/1999	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
358	05230406	NGUYỄN PHÚC THÀNH	11/09/1998	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
359	05230271	PHẠM THỊ THU UYÊN	24/12/1996	Thần kinh	NT 62 72 21 40	
360	05230544	ĐÀO THỊ ANH	03/11/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
361	05230502	NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/06/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
362	05230528	HOÀNG VIỆT HÙNG	13/06/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
363	05230364	PHAN VĂN KHANG	01/06/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
364	05230478	TRIỆU THÙY LINH	02/12/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
365	05230346	BÙI YẾN MAI	14/10/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
366	05230826	HÀ XUÂN NGHĨA	18/02/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
367	05230236	NGUYỄN THANH TÙNG	17/07/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
368	05230341	PHẠM VĂN THOẠI	01/08/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
369	05230577	ĐINH THU TRANG	08/12/1999	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	NT 62 72 38 01	
370	05230785	NGUYỄN TUẤN ANH	16/09/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
371	05230713	TRỊNH TUẤN ANH	18/09/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
372	05230402	ĐOÀN VĂN TUẤN ANH	15/03/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
373	05230750	TRẦN ĐÌNH CHÂU	11/08/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
374	05230748	VŨ THỊ HUỆ CHI	13/09/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
375	05230090	NGUYỄN TRUNG DŨNG	26/04/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
376	05230198	NGUYỄN XUÂN ĐẠI	16/05/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
377	05230704	NGUYỄN VĂN ĐẠT	02/01/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	PH Thanh Hóa
378	05230386	BÙI THỊ HÀ	13/10/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
379	05230371	ĐỖ XUÂN HẢO	04/03/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
380	05230410	NGUYỄN THỊ HOA	06/03/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
381	05230296	NGUYỄN VĂN HOÀNG	15/11/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
382	05230027	LƯU HƯƠNG LY	05/04/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
383	05230184	ĐẶNG HOÀI NAM	28/02/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
384	05230079	HỒ QUANG PHÚC	07/10/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
385	05230359	DƯƠNG MẠNH TUẤN	05/05/1998	Ung thư	NT 62 72 23 01	
386	05230194	PHẠM ĐĂNG THUYỀN	24/10/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
387	05230500	NGÔ MINH TRÍ	28/08/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
388	05230125	NGUYỄN LAM TRƯỜNG	14/11/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
389	05230050	ĐÀO THỊ THẢO VÂN	22/02/1999	Ung thư	NT 62 72 23 01	
390	05230051	NGUYỄN TUẤN DŨNG	15/07/1999	Vi sinh y học	NT 62 72 08 05	
391	05230153	LÊ HỮU DƯƠNG	27/09/1999	Vi sinh y học	NT 62 72 08 05	
392	05230363	CAO TRẦN PHƯƠNG LINH	04/11/1999	Vi sinh y học	NT 62 72 08 05	
393	05230317	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	08/03/1998	Vi sinh y học	NT 62 72 08 05	
394	05230108	LÂM THỊ BÍCH NGỌC	14/11/1999	Vi sinh y học	NT 62 72 08 05	
395	05230141	NGUYỄN MINH ANH	22/11/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
396	05230484	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	21/11/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
397	05230412	BÙI KHẮC ĐỨC	16/07/1998	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
398	05230597	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	15/11/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
399	05230837	NGUYỄN THANH HẰNG	17/11/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
400	05230448	MAI PHƯƠNG LINH	03/11/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	

TT	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ghi Chú
401	05230120	ĐINH THỊ MAI	01/10/1998	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
402	05230721	VŨ HOÀI THANH	02/08/1998	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
403	05230735	CUNG MINH THIÊN	12/06/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
404	05230835	NGUYỄN THỊ TRÀ	08/12/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
405	05230623	THÁI THỊ TRANG	20/03/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
406	05230787	PHẠM THỊ NHƯ UYÊN	28/11/1999	Y học cổ truyền	NT 62 72 60 01	
407	05230856	BÙI TRÂM ANH	31/12/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
408	05230647	NGUYỄN QUỐC CHUNG	20/11/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
409	05230294	NGUYỄN QUANG ĐỨC	22/09/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
410	05230093	NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	18/02/1998	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
411	05230669	NGUYỄN THỊ KIM HẰNG	04/12/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
412	05230159	PHAN THẢO HIỀN	31/08/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
413	05230798	TRỊNH THỊ HIỆU	02/02/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
414	05230523	NGUYỄN THẾ HỢP	17/03/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
415	05230215	PHẠM THỊ MỸ LINH	23/06/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
416	05230592	GIÁP THỊ LOAN	24/10/1998	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
417	05230176	TRẦN YẾN MY	29/01/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
418	05230609	LÊ THỊ QUỲNH	22/04/1998	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
419	05230195	NGUYỄN KIM TUYẾN	02/09/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
420	05230817	CAO THỊ THOA	21/05/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
421	05230113	HÀ THỊ KIM XUYẾN	28/04/1999	Y học gia đình	NT 62 72 98 01	
422	05230802	CHÂU QUỲNH ANH	29/10/1999	Y học hạt nhân	NT 62 72 80 05	
423	05230381	HOÀNG ĐĂNG HUY	08/04/1999	Y học hạt nhân	NT 62 72 80 05	
424	05230358	NGUYỄN ĐỨC MINH	05/08/1999	Y học hạt nhân	NT 62 72 80 05	
425	05230241	MAI THỊ QUỲNH	24/01/1999	Y học hạt nhân	NT 62 72 80 05	
426	05230419	NGUYỄN VĂN TIẾN	24/10/1998	Y học hạt nhân	NT 62 72 80 05	
427	05230315	ĐỖ MINH HIỆU	19/05/1999	Y pháp	NT 62 72 98 01	
428	05230156	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	17/06/1999	Y pháp	NT 62 72 98 01	
429	05230146	PHAN NGỌC ANH	31/12/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
430	05230753	PHẠM THỊ THANH BÌNH	26/03/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
431	05230390	VŨ NGỌC HÀ	06/07/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
432	05230189	HOÀNG THỊ LAN	23/02/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
433	05230545	HOÀNG CÔNG MINH	31/05/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
434	05230082	ĐOÀN THỊ NGUYỆT	25/01/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
435	05230686	ĐINH HỒNG PHÚC	26/05/1999	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	
436	05230339	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	31/01/1998	Y sinh học di truyền	NT 62 72 01 01	

Ấn định danh sách trúng tuyển: 436 thí sinh